

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày 17-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Minh Thân;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Kim Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/HSST-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Thị L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1967 tại thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Nơi cư trú: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình V (đã chết) và bà Nguyễn Thị V1 (đã chết); có chồng: Nguyễn Minh S, sinh năm 1961 và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 26-02-2024, tạm giam ngày 29-02-2024, đến ngày 22-3-2024 bị áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lâm Quốc L1, sinh năm 1989; trú tại: Khu F, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Lê Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu E1 (trước đây là thôn Nà Cườm), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Chu Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người chứng kiến*: Ông Hoàng Đức P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 11 năm 2022 đến trước khi bị bắt, Hoàng Thị L, sinh năm 1967, trú tại: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao, người vay sẽ trực tiếp đến gặp Hoàng Thị L tại nhà ở Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn hai bên thống nhất số tiền vay và lãi suất vay, thời gian trả tiền gốc và tiền lãi. Khi có người đến vay, Hoàng Thị L sẽ cho họ viết 01 giấy vay nợ và đưa tiền vay gốc trực tiếp cho họ bằng tiền mặt, sau đó hàng tháng người vay sẽ đến trả tiền cho Hoàng Thị L tại nhà riêng hoặc qua tài khoản ngân hàng Agribank số tài khoản 84072050403XX mang tên Hoàng Thị L. Hoàng Thị L thường cho người khác vay tiền với hình thức vay như sau: Hoàng Thị L tính lãi suất dựa trên việc thỏa thuận giữa Hoàng Thị L với người vay, không tính cộng dồn tiền gốc với tiền lãi phát sinh chưa thanh toán để tính lãi tiếp mà tính dứt điểm từng khoản vay và quy định mỗi kỳ (30 ngày) người vay phải trả lãi 01 lần cho 01 khoản vay nếu chưa thanh toán được tiền gốc.

Cách tính lãi suất và số tiền thu lợi bất chính được xác định như sau: (đơn vị tiền tệ là Việt Nam đồng, viết tắt là “đ”).

- Lãi suất năm = Số tiền lãi đã trả/ Số tiền thực tế vay X 100%/ Số ngày vay X 365;

- Số tiền lãi hợp pháp = 0,2/365 X số tiền thực tế vay X số ngày vay;

- Số tiền thu lợi bất chính = Số tiền lãi thực trả - Số tiền lãi bất hợp pháp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay...như vậy, theo quy định thì số tiền lãi được hưởng/1.000.000đ/1 ngày không được vượt quá 0,2/365 X 1.000.000đ.

Ngày 26-02-2024 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn nhận được đơn trình báo của chị Lê Thị M, sinh năm 1984 và ông Chu Văn H, sinh năm 1985, cùng trú tại: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn về việc Hoàng Thị L, sinh năm 1967, trú tại Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho vay tiền với lãi suất cao vượt quá mức pháp luật cho phép. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 26-02-2024 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở và Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Thị L. Quá trình khám

xét tại phòng ngủ của Hoàng Thị L đã thu giữ 01 (một) tờ giấy vay tiền viết tay, có chữ ký xác nhận của người vay là Lâm Quốc L1, sinh năm 1989, trú tại: Khu F, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi sự việc xảy ra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành thông báo số 154/TB-ĐCSHS ngày 28-02-2024 về việc truy tìm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trên để phục vụ công tác mở rộng điều tra vụ án.

Quá trình điều tra đã làm rõ Hoàng Thị L cho một số người vay lãi cụ thể như sau:

1. Anh Lâm Quốc L1, sinh năm 1989, trú tại: Khu F, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vay tiền của Hoàng Thị L 03 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 20-01-2023, Lâm Quốc L1 có đến nhà gặp trực tiếp để vay tiền với Hoàng Thị L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và đưa cho Lâm Quốc L1 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tiền mặt, cắt lãi luôn 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho kỳ vay đầu và thỏa thuận cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho khoản vay này, từ ngày 20-01-2023 đến ngày 20-9-2023 (240 ngày) Lâm Quốc L1 đã trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi qua tài khoản ngân hàng và đưa trực tiếp cho Hoàng Thị L.

+ Như vậy, lãi suất của khoản vay là: $24.000.000đ / 20.000.000đ \times 100\% / 240 \text{ ngày} \times 365 = 182,50\%$ / năm, gấp 09,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự;

+ Số tiền lãi hợp pháp/ $1.000.000đ/\text{ngày} = 0,2/365 \times 20.000.000đ \times 240 = 2.630.137đ$;

+ Số tiền thu lợi bất chính = $24.000.000đ - 2.630.137đ = 21.369.863đ$ (Hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

- Lần 2: Ngày 09-4-2023, Lâm Quốc L1 tiếp tục hỏi vay Hoàng Thị L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và đưa cho Lâm Quốc L1 8.500.000 đồng tiền mặt, cắt lãi luôn 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho kỳ vay đầu, vẫn thỏa thuận với Lâm Quốc L1 cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 1.500.000 000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho khoản vay này. Vay từ ngày 09-4-2023 đến ngày 09-9-2023 (150 ngày), Lâm Quốc L1 đã trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi qua tài khoản ngân hàng và đưa trực tiếp cho Hoàng Thị L.

+ Lãi suất của khoản vay là: $7.500.000đ / 10.000.000đ \times 100\% / 150 \text{ ngày} \times 365 = 182,50\%$ / năm, gấp 09,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự;

+ Số tiền lãi hợp pháp/ $1.000.000đ/\text{ngày} = 0,2/365 \times 10.000.000đ \times 150 = 821.918đ$;

+ Số tiền thu lợi bất chính = $7.500.000đ - 821.918đ = 6.678.082đ$ (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

- Lần 3: Ngày 18-12-2023, Lâm Quốc L1 lại hỏi vay Hoàng Thị L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và đưa cho Lâm Quốc

L1 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tiền mặt là số tiền lấy từ khoản vay mà Lâm Quốc L1 đã trả ngày 20-9-2023, cắt lãi luôn 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho kỳ vay đầu và thỏa thuận với Lâm Quốc L1 cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho khoản vay này. Vay từ ngày 18-12-2023 đến ngày 19-01-2024 (30 ngày), Lâm Quốc L1 đã trả tiền lãi 3.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho Hoàng Thị L. Đến ngày 25-02-2024, do chưa có đủ tiền nên Lâm Quốc L1 trả cho Hoàng Thị L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi của kỳ 3, khoản vay này Lâm Quốc L1 chưa trả tiền gốc cho Hoàng Thị L.

+ Như vậy, lãi suất của khoản vay là: $5.000.000đ / 20.000.000đ \times 100\% / 60 \text{ ngày} \times 365 = 152,08\% / \text{năm}$, gấp 07,60 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Số tiền lãi hợp pháp/ $1.000.000đ / \text{ngày} = 0,2 / 365 \times 20.000.000đ \times 60 = 657.534đ$;

+ Số tiền thu lợi bất chính = $5.000.000đ - 657.534đ = 4.342.466đ$ (Bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng số tiền bị cáo Hoàng Thị L thu lợi bất chính từ việc cho Lâm Quốc L1 vay là 32.390.411đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

2. Chị Lê Thị M, sinh năm 1984, trú tại: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vay Hoàng Thị L 03 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 23-11-2022, Lê Thị M đến gặp trực tiếp và hỏi vay Hoàng Thị L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và đưa cho Lê Thị M 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mặt, cắt lãi luôn 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho kỳ vay đầu, vẫn thỏa thuận với Lê Thị M cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho khoản vay này, vay từ ngày 23-01-2022 đến ngày 21-01-2023 (420 ngày) Lê Thị M đã trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi qua tài khoản ngân hàng và đưa trực tiếp cho Hoàng Thị L.

+ Như vậy, lãi suất của khoản vay là: $21.000.000đ / 10.000.000đ \times 100\% / 420 \text{ ngày} \times 365 = 182,50\% / \text{năm}$, gấp 09,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Số tiền lãi hợp pháp/ $1.000.000đ / \text{ngày} = 0,2 / 365 \times 10.000.000đ \times 420 = 2.301.370đ$;

+ Số tiền thu lợi bất chính = $21.000.000đ - 2.301.370đ = 18.698.630đ$ (Mười tám triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

- Lần 2: Ngày 10-12-2022, Lê Thị M lại hỏi vay tiếp Hoàng Thị L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và đưa cho Lê Thị M 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tiền mặt, cắt lãi luôn 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho kỳ vay đầu và thỏa thuận với Lê Thị M cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho khoản vay này. Vay từ ngày 10-12-2022 đến ngày 21-01-2023 (390 ngày), Lê Thị M đã trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi qua tài khoản ngân hàng và đưa trực tiếp cho Hoàng Thị L.

+ Lãi suất của khoản vay là: $39.000.000\text{đ} / 20.000.000\text{đ} \times 100\% / 390 \text{ ngày} \times 365 = 182,50\% / \text{năm}$, gấp 09,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự;

+ Số tiền lãi hợp pháp/ $1.000.000\text{đ}/\text{ngày} = 0,2/365 \times 20.000.000\text{đ} \times 390 = 4.273.973\text{đ}$;

+ Số tiền thu lợi bất chính = $39.000.000\text{đ} - 4.273.973\text{đ} = 34.726.027\text{đ}$ (Ba mươi tư triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 3: Ngày 21-02-2024, Lê Thị M lại tiếp tục hỏi vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và đưa cho Lê Thị M 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mặt là số tiền lấy từ khoản vay mà Lê Thị M đã trả ngày 21-01-2024, cắt lãi luôn 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho kỳ vay đầu, vẫn thỏa thuận với Lê Thị M cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho khoản vay này. Khoản vay này Lê Thị M chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho Hoàng Thị L.

Tổng số tiền Hoàng Thị L thu lợi bất chính từ việc cho Lê Thị M vay là: 53.424.658đ (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

3. Anh Chu Văn H, sinh năm 1985, trú tại: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vay Hoàng Thị L 01 lần cụ thể như sau:

Ngày 24-4-2023, Chu Văn H có đến nhà gặp trực tiếp Hoàng Thị L để hỏi vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Hoàng Thị L đồng ý và thỏa thuận với Chu Văn H cứ 01 kỳ (30 ngày) sẽ tính lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho khoản vay này, Hoàng Thị L cắt lãi luôn 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kỳ đầu, tuy nhiên Chu Văn H rất cần tiền nên xin mượn ngoài 3.000.000đ (Ba triệu đồng), Hoàng Thị L vẫn đưa cho Chu Văn H 20.000.000đ (Hai Mươi triệu đồng) tiền mặt, còn số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) không tính lãi. Ngày 27-4-2023, Chu Văn H chuyển khoản trả Hoàng Thị L 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền Chu Văn H đã mượn. Cứ khoảng ngày 24 hàng tháng (có thể lệch vài ngày), Chu Văn H sẽ trả khoản lãi cho Hoàng Thị L. Đa phần các tháng Chu Văn H sẽ chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản ngân hàng cho Hoàng Thị L, những tháng còn lại Chu Văn H trả tiền mặt. Lần cuối cùng Chu Văn H chuyển khoản trả tiền lãi cho là ngày 25-01-2024. Khoản vay này đến khi Hoàng Thị L bị bắt (đã đóng lãi 09 kỳ tương đương 270 ngày) thì Chu Văn H chưa trả tiền gốc cho Hoàng Thị L.

+ Như vậy, lãi suất của khoản vay là: $27.000.000\text{đ} / 20.000.000\text{đ} \times 100\% / 270 \text{ ngày} \times 365 = 182,50\% / \text{năm}$, gấp 09,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Số tiền lãi hợp pháp/ $1.000.000\text{đ}/\text{ngày} = 0,2/365 \times 20.000.000\text{đ} \times 270 = 2.958.904\text{đ}$;

+ Số tiền thu lợi bất chính = $27.000.000\text{đ} - 2.958.904\text{đ} = 24.041.096\text{đ}$;

Số tiền Hoàng Thị L thu lợi bất chính từ việc cho Chu Văn H vay là: 24.041.096đ (Hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính L nhận được từ việc cho L1, M và H vay là: 109.856.164đ (Một trăm linh chín triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS, ngày 10-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Thị L về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo biết hành vi bản thân mình thực hiện là vi phạm pháp luật tuy nhiên do bị cáo hám lời nên vẫn cố ý thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lâm Quốc L1, chị Lê Thị M trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt: Bản thân anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M được vay tiền của bị cáo Hoàng Thị L. Anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M đã có biên bản thoả thuận. Theo biên bản thoả thuận thì hiện nay anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M đã trả hết số tiền gốc cho bị cáo Hoàng Thị L, bị cáo Hoàng Thị L cũng đã trả lại phần lãi suất khoản vay vượt quá quy định của pháp luật cho anh chị. Còn phần lãi theo quy định đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Chu Văn H tại đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Bản thân anh đã trả lại hết tiền gốc cho bị cáo Hoàng Thị L. Anh yêu cầu bị cáo trả lại cho anh phần lãi suất khoản vay vượt quá quy định của pháp luật. Còn phần lãi theo quy định đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên cáo trạng truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị:

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 08 (tám) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt tiền đối với bị cáo từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Về biện pháp tư pháp:

1. Buộc bị cáo nộp lại số tiền gốc là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Truy thu số tiền lãi hợp pháp nhưng phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo với số tiền 13.643.836đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Đối với số tiền thu lợi bất chính (phần lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật) theo biên bản thoả thuận bị cáo Hoàng Thị L đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lâm Quốc

L1 và chị Lê Thị M; số tiền gốc anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M cũng đã trả hết cho bị cáo đây là thỏa thuận dân sự không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

5. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Chu Văn H số tiền lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật là 24.041.096đ (Hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín sáu đồng) do anh Chu Văn H yêu cầu.

Bị cáo không còn ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tổng đạt các văn bản quyết định tố tụng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều có giá trị pháp lý, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến. Tuy nhiên xét thấy phiên tòa xét xử những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nói trên vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người chứng kiến có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do vậy việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2022 đến trước khi bị bắt, Hoàng Thị L đã có hành vi cho Lâm Quốc L1 vay tiền với lãi suất gấp 07,60 đến 09,12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 32.390.411đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng); cho Lê Thị M vay tiền với lãi suất gấp 09,12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 53.424.658đ (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); cho Chu Văn H vay tiền với lãi suất gấp 09,12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 24.041.096đ (Hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng). Tổng cộng Hoàng Thị L đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng với tổng số tiền 109.856.164đ (Một trăm linh chín triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một

trăm sáu mươi tư đồng). Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù hành vi của bị cáo chỉ là hành vi cho người khác vay tiền với thủ tục đơn giản, nhưng thủ đoạn là cho vay lãi suất cao, do bị cáo tự đặt ra, cao gấp nhiều lần so với lãi suất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[5] Để có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo, cần xem xét nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo trong vụ án như sau:

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quá trình tại ngoại luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng là phù hợp, đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Về biện pháp tư pháp trong vụ án:

[10.1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã vay tiền của bị cáo, đã trả lại cho bị cáo tiền gốc. Xét thấy đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Do đó truy thu đề

nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10.2] Đối với số tiền thu lợi bất chính (phần lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật) trước khi mở phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lâm Quốc L1, chị Lê Thị M đã tự thỏa thuận được với nhau về việc trả số tiền lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lâm Quốc L1, chị Lê Thị M đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận này. Xét thấy sự thỏa thuận này giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lâm Quốc L1, chị Lê Thị M là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bị cáo đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật cụ thể: Bị cáo đã trả hết cho anh Lâm Quốc L1 số tiền 32.390.411đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng); bị cáo đã trả hết cho Lê Thị M số tiền 53.424.658đ (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M đã trả hết tiền gốc cho bị cáo.

[10.3] Buộc bị cáo trả lại cho anh Chu Văn H số tiền 24.041.096đ (Hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín sáu đồng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10.4] Truy thu số tiền lãi hợp pháp nhưng phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo 13.643.836đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với việc Chu Văn H một lần chuyển khoản số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của Nông Thị Kim Thoa theo yêu cầu của bị cáo Hoàng Thị L, quá trình điều tra đã làm rõ do bị cáo Hoàng Thị L nợ tiền của Nông Thị Kim Thoa nên bảo anh Chu Văn H chuyển vào đó để trả nợ giúp bị cáo Hoàng Thị L, việc bị cáo Hoàng Thị L vay mượn tiền của Nông Thị Kim Thoa không liên quan tới hành vi cho vay lãi của bị cáo Hoàng Thị L, do vậy không xem xét xử lý đối với khoản vay này.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 579, 580, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 17-7-2024.

Giao bị cáo Hoàng Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đối với bị cáo Hoàng Thị L để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp trong vụ án:

- Truy thu đối với bị cáo Hoàng Thị L số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu đối với bị cáo Hoàng Thị L số tiền lãi hợp pháp nhưng phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo 13.643.836đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo Hoàng Thị L với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M, cụ thể: Bị cáo Hoàng Thị L đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án số tiền lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật như sau: Bị cáo đã trả hết cho anh Lâm Quốc L1 số tiền 32.390.411đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng); bị cáo đã trả hết cho Lê Thị M số tiền 53.424.658đ (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); anh Lâm Quốc L1 và chị Lê Thị M đã trả hết tiền gốc cho bị cáo.

5. Buộc bị cáo trả lại cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Chu Văn H số tiền 24.041.096đ (Hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

6. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh